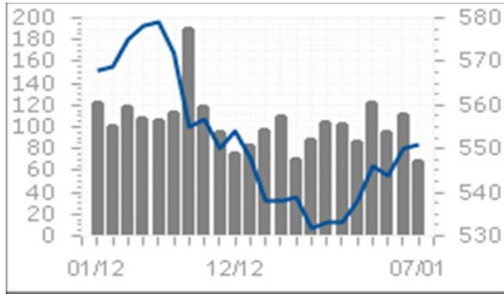


HOSE 07/01/2015

VNINDEX	552.04	2.38	0.43%
KLGD	111,705,080	CP	
GTGD	1,798.03	Tỷ	
GTR NDTNN	-	175.24	Tỷ
CP Tăng giá	126	CP	
CP Giảm giá	112	CP	
CP Đứng giá	66	CP	

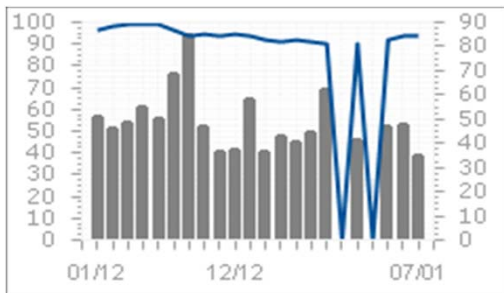


Tâm điểm

- ▶ **Áp lực chốt lời từ cổ phiếu ngân hàng, dầu khí là khá lớn.**
- ▶ **Lực bắt đáy tham gia giúp chỉ số hai sàn vẫn giữ được sắc xanh**
NDT Nước ngoài quay trở lại bán ròng mạnh trên HOSE
- ▶ **Năm 2015, tiếp tục thực hiện nhanh thoái vốn đầu tư ngoài ngành**
Đây là nội dung trong Nghị quyết 01/NQ-CP được chính phủ ban hành
Stox
- ▶ **Tăng thuế nhập khẩu xăng, dầu từ 7/1/2015**
BTC đã ban hành TT 03/2015/TT-BTC về sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu
DVO
- ▶ **Chính phủ Nhật Bản giảm nợ ngắn hạn, bớt gánh nặng tài chính**
Tổng dư nợ của Nhật Bản cho tài khóa 2015 có thể sẽ giảm nhẹ
Bloomberg
- ▶ **VCB ước đạt 5.900 tỷ đồng LNTT hợp nhất, tăng trưởng tín dụng 18%**
Mức lợi nhuận này cao hơn 7% so với kế hoạch ban đầu của VCB là 5.500 tỷ đồng.
VCB
- ▶ **DPM bị truy thu và phạt thuế gần 22 tỷ đồng**
DVO

HNX 07/1/2015

HNXINDEX	84.18	0.37	0.45%
KLGD	53,359,492	CP	
GTGD	685.88	Tỷ	
GTR NDTNN	8.77	Tỷ	
CP Tăng giá	110	CP	
CP Giảm giá	86	CP	
CP Đứng giá	183	CP	



Thị trường / Ngành

Theo thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	993,390	13.3	2.6	17.8%	9.1%
HNX	139,448	13.4	1.7	8.7%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,132,838	13.8	2.6	17.6%	8.7%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,763	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,263	9.6	1.6	17.0%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	37,287	12.7	1.9	22.6%	10.8%
Khai khoáng	12,376	88.6	6.2	-4.2%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,016	14.4	1.5	13.6%	7.6%
Xây dựng	31,321	30.3	1.1	0.8%	2.3%
Máy công nghiệp	8,793	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,378	8.2	1.4	18.6%	13.6%
Lốp xe	8,162	10.5	2.8	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,079	11.0	2.1	22.6%	7.6%
Thực phẩm	186,559	24.0	4.5	18.2%	14.1%
Dược phẩm	15,712	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,849	10.1	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	30,570	10.7	1.6	15.7%	7.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	134,649	11.0	3.5	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	22,728	18.1	1.9	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	26,062	10.9	1.4	10.8%	7.3%
Ngân hàng	255,480	12.1	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản	158,730	15.6	2.5	17.5%	4.5%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	31,834	7.2	1.5	22.0%	9.3%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	607.65	1.28	0.21%
HNX30	163.57	0.43	0.26%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Năm 2015, tiếp tục thực hiện nhanh thoái vốn đầu tư ngoài ngành

Tăng thuế nhập khẩu xăng, dầu từ 7/1/2015

Chính phủ Nhật Bản giảm nợ ngắn hạn, bớt gánh nặng tài chính

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

VCB ước đạt 5.900 tỷ đồng LNTT hợp nhất, tăng trưởng tín dụng 18%

DPM bị truy thu và phạt thuế gần 22 tỷ đồng

Tổng công ty May 10 ước đạt 2.188 tỷ đồng tổng doanh thu 2014

► Tin kinh tế

Đây là nội dung trong Nghị quyết 01/NQ-CP được chính phủ ban hành về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015. Trong giai đoạn 2014 - 2015, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư vào 5 lĩnh vực nhạy cảm (chứng khoán, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư) và ngoài ngành nghề sản xuất kinh doanh chính theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt với giá trị các khoản đầu tư là 22.504 tỷ đồng.

Ngày 6/1, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 03/2015/TT-BTC về sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu. Theo đó, sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi kèm theo Thông tư số 213/2014/TT-BTC ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư này. Cụ thể, thuế nhập khẩu xăng tăng 8% từ 27% lên 35%, dầu hỏa tăng 9% từ 26% lên 35%, dầu madut tăng mạnh nhất với 11% từ 24% lên 35% và dầu diesel tăng 7% từ 23% lên 30%.

Nguồn tin Bộ Tài chính Nhật Bản ngày 6/1 cho biết tổng dư nợ của Nhật Bản cho tài khóa 2015 có thể sẽ giảm nhẹ xuống dưới 175.000 tỷ yen (khoảng 1.470 tỷ USD), bao gồm cả trái phiếu mới và tái cấp vốn, giảm so với mức kỷ lục 181.540 tỷ yen tài khóa 2014. Trước đó, Chính phủ Nhật Bản đã giảm ấn hành trái phiếu trong tài khóa 2013. Bước vào tài khóa 2015, Chính quyền của Thủ tướng Shinzo Abe dự kiến sẽ cắt giảm việc bán trái phiếu mới xuống dưới 38.000 tỷ yen. Vào sáng ngày 6/1, Thủ tướng Abe cũng khẳng định Nội các sẽ thông qua ngân sách thường niên tài khóa và kế hoạch phát hành trái phiếu của Tokyo cho tài khóa 2015 vào ngày 14/1 tới.

► Tin doanh nghiệp

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (HOSE: Mã VCB) đã công bố các số liệu kết quả kinh doanh ước tính cho năm 2014. Theo đó, lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất ước tính sơ bộ đạt 5.680 tỷ đồng (tăng trưởng 1,8%). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2014 đạt gần 5.900 tỷ đồng (tăng trưởng 2,1%). Mức lợi nhuận này cao hơn 7% so với kế hoạch ban đầu của ngân hàng là 5.500 tỷ đồng. Lợi nhuận trước trích lập dự phòng theo công bố tăng khoảng 12,4% so với năm 2013. Tăng trưởng tín dụng khoảng 18% (với tăng trưởng tín dụng đạt 6% chỉ trong tháng 12) và tăng trưởng huy động 26%. Một điểm sáng là tín dụng từ khách hàng cá nhân đã tăng 36% so với năm 2013.

Ngày 5/1/2015, Đạm Phú Mỹ (HOSE: Mã DPM) nhận được quyết định số 2495/QĐ - TCT của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế về việc xử lý vi phạm về thuế. Theo kết luận thanh tra của Đoàn thanh tra, năm 2013 DPM phân bổ chưa chính xác phần lợi nhuận từ kinh doanh sản lượng phân đạm tăng thêm do khai thác dự án đầu tư hệ thống thu hồi khí CO2 từ khói thải nhà máy Đạm Phú Mỹ nhằm tăng sản lượng sản xuất phân đạm (thuế suất thuế TNDN 25%) và phần lợi nhuận từ kinh doanh sản lượng phân đạm của Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Ngoài ra công ty phân bổ chưa đúng một số khoản mục chi phí giá vốn vào kỳ kế toán năm 2013. Dựa vào đó, Tổng cục thuế quyết định truy thu thuế TNDN năm 2013 đối với DPM số tiền 16,5 tỷ đồng và phạt 5,4 tỷ đồng do kê khai sai và chậm nộp thuế. Tổng cộng số tiền truy thu và nộp thuế 21,9 tỷ đồng.

Năm 2014, tổng doanh thu của May 10 tăng 17,6% so với năm 2013, ước đạt 2.188 tỷ đồng. Tổng công ty nộp ngân sách 44,6 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Cổ tức chia 18%. Mục tiêu năm 2015 May 10 đặt ra là Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 2.260 tỷ đồng, doanh thu (không VAT) đạt 2.450 tỷ đồng, lợi nhuận 55 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 6,2 triệu đồng/người/tháng. Cổ tức giữ nguyên 18% như đã thực hiện năm 2014.

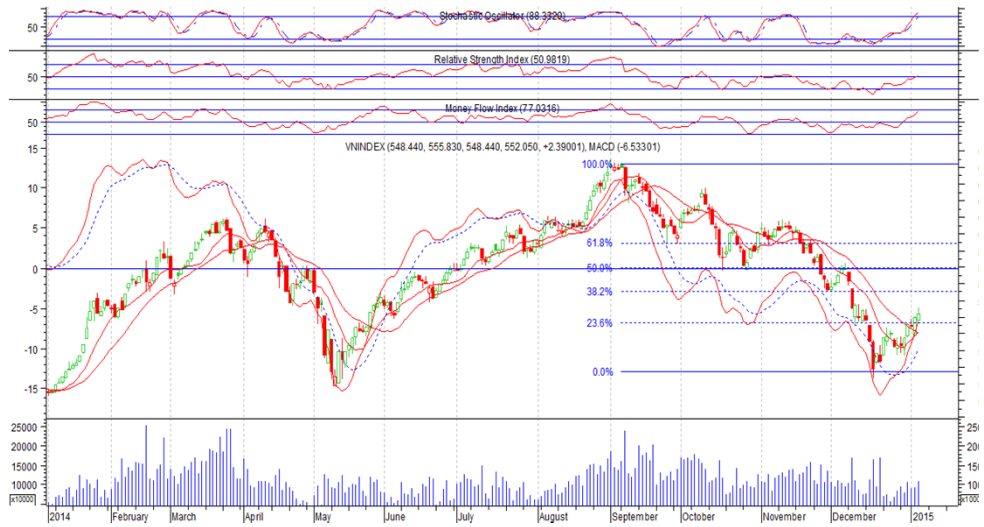
HOSE 07/01/2015 VNINDEX 552.04 2.38 0.43% 111,705,080 CP 1,798.03 bil VND

Áp lực chốt lời từ cổ phiếu ngân hàng, dầu khí là khá lớn.

- Vn-Index tăng 2.39đ(+0.43%) lên mức 552 điểm. Một nền xanh Invested Hummer hình thành trong phiên giao dịch 7/1 khi Vn-Index vượt trên ngưỡng kháng cự của Fibonacci 23.6% nên khả năng đảo chiều có thể xảy ra.

- Chỉ số Stochastic Oscillator đã vào vùng quá bán đạt 88.3, MFI (14) gia tăng mạnh lên mức 77. Đường MACD cũng tăng mạnh tuy nhiên vẫn còn xa đường zezo. Đường giá đã vượt lên trên MA(10)

- Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy dấu hiệu tích cực, ngưỡng 540 là ngưỡng hỗ trợ tốt cho Vn-Index.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	12,595,640
OGC	-0.3 (-4.1%)	10,505,830
ITA	-0.2 (-2.4%)	5,191,970
VHG	0 (0.0%)	4,999,370
IDI	0.2 (1.8%)	3,781,540

HOSE Top 5 theo % tăng

TNA	1.8 (6.9%)	22,910
HT1	1.2 (6.9%)	1,237,610
TSC	2.9 (6.9%)	339,810
TMS	3.1 (6.8%)	350
EMC	0.4 (6.8%)	8,750

HOSE Top 5 theo % giảm

LGC	-12.8 (-32.8%)	7,500
TMP	-2 (-6.8%)	2,530
KAC	-0.9 (-6.8%)	350
NHS	-0.8 (-6.7%)	75,460
STT	-0.3 (-6.7%)	890

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	7,0 tỷ	82,670
STB	4,0 tỷ	224,160
BVH	3,5 tỷ	102,910
SSI	1,4 tỷ	51,100
ITA	1,4 tỷ	166,650

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-41,2 tỷ	696,890
KDC	-37,3 tỷ	754,710
GAS	-9,2 tỷ	133,450
PPC	-7,4 tỷ	260,600
VIC	-6,0 tỷ	124,950

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,983,630	- 175.24

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Độ rộng thị trường co hẹp dưới tác động chốt lời sớm, thị trường trong phiên có giảm điểm nhưng lực cầu bắt đáy đã khiến thị trường hồi phục vào cuối phiên.
- ▶ Thanh khoản chưa có sự cải thiện, KLGD đạt 111,7 triệu đơn vị tương đương với giá trị 1798 tỷ đồng. FLC, OGC... dẫn đầu về thanh khoản
- ▶ Sau khi tăng điểm ngày hôm qua, các cổ phiếu ngân hàng quay đầu giảm điểm, VCB giảm 400 đồng, EIB tăng 400 đồng, VNM tăng 2000đ, GAS là 1000đ...
- ▶ Khối ngoại quay trở lại bán ròng mạnh trên HOSE sau 10 phiên mua ròng liên tiếp. Lực bán tập trung vào các mã PVD, KDC, GAS, PPC...
- ▶ 3. Nhận định: Thị trường đang giao dịch tương đối ổn định. Xác suất giảm sâu thấp, nhà đầu tư có thể mua gom cổ phiếu tốt tại thời điểm thị trường điều chỉnh.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	69.0	130,755.00	11.2	3.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	98.0	98,011.62	16.5	5.3	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	33.6	89,544.68	19.7	2.1	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.7	69,382.28	17.9	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.6	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.6	38,232.36	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.0	25,541.13	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	34.1	23,204.08	18.1	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.9	20,450.96	8.3	1.2	14.3%	1.4%

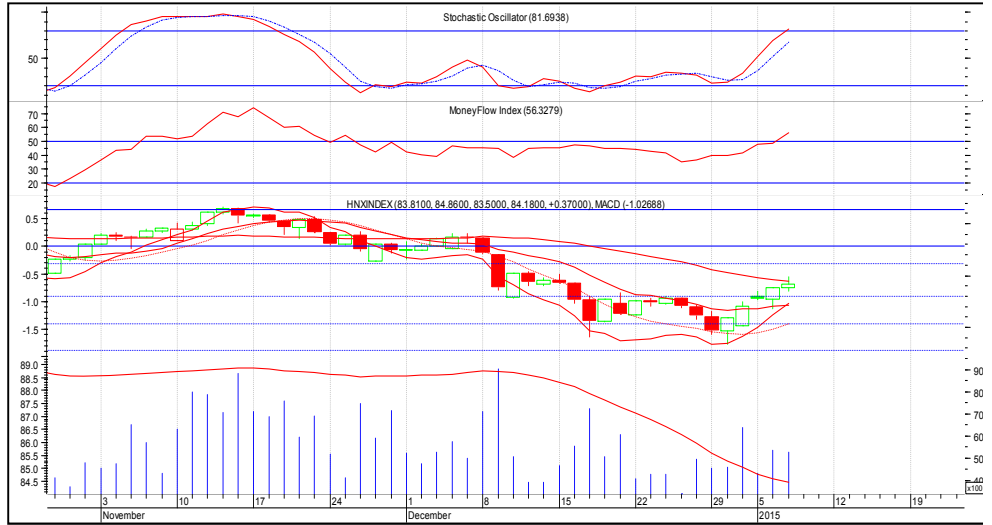
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.9	1,090.73	14.0	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.0	800.94	23.0	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.6	19.9	2,299.78	7.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.1	674.33	6.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 07/01/2015 HNX-Index 84.18 0.37 0.45% 53,359,492 CP 685.88 bil. VND

Áp lực chốt lời từ cổ phiếu ngân hàng, dầu khí là khá lớn.

-Chỉ số HNX-Index tăng 0.37 điểm (0.45%), đóng cửa tại mốc 84.18 điểm. Nền trung tính hình thành cho thấy đà tăng đang yếu đi
 - Stochastic Oscillator tăng mạnh vào vùng quá bán, MFI tăng mạnh lên 56
 - MACD vẫn tiếp tục tăng tiến tới đường zezo, MA (10) đã vượt qua đường giá. Ngưỡng hỗ trợ của HNX-Index là 81 điểm
 -HNX-Index có thể tiếp tục tăng trong ngắn hạn, tuy nhiên động lực tăng sẽ yếu dần trừ khi có một sự gia tăng mạnh của khối lượng.



HNX Top 5 theo KLGD		
KLF	-0.1 (-0.9%)	8,452,850
SHB	0.1 (1.2%)	5,006,480
PVX	-0.2 (-3.8%)	4,575,110
SCR	-0.3 (-3.2%)	4,007,300
FIT	-0.4 (-2.1%)	2,357,340

HNX Top 5 theo % tăng		
CTB	4.5 (14.8%)	-
BKC	1 (10.0%)	2,010
LM3	0.3 (10.0%)	100
HGM	4.9 (10.0%)	7,800
CAN	2.3 (9.8%)	300

HNX Top 5 theo % giảm		
CX8	-0.5 (-10.0%)	1,500
PPE	-0.9 (-10.0%)	2,000
SVN	-0.6 (-9.7%)	200
VAT	-0.9 (-9.6%)	100
PIV	-0.7 (-9.5%)	1,600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN		
BCC	5,2 tỷ	306,700
VCG	1,6 tỷ	120,900
SHB	1,4 tỷ	167,100
PVS	1,1 tỷ	42,500
IVS	0,5 tỷ	35,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN		
LAS	-2,1 tỷ	57,000
KSQ	-0,1 tỷ	14,300
MEC	-0,1 tỷ	10,000
SD9	0,0 tỷ	3,200
PVX	0,0 tỷ	7,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	641,900	8.77

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: Tiếp đà ghi điểm, đóng cửa ngày giao dịch, HNX-Index cộng thêm 0,37 điểm (tương đương 0,45%) lên 84,18 điểm.
- ▶ Các nhóm cổ phiếu tăng mạnh trong buổi sáng nhưng giảm dần trong buổi chiều. Cổ phiếu lớn, dẫn dắt: PVS, SHB, ACB tăng điểm
- ▶ Thanh khoản cải thiện hơn trong buổi chiều nhưng không biến động lớn so với phiên hôm qua. Khối lượng giao dịch đạt gần 53,4 triệu đơn vị.
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN bán ròng trên HNX đạt 8.77 tỷ giá trị. Mua mạnh ở BCC, VCG, SHB... Bán ròng mạnh ở các mã LAS, KSQ, ...
- ▶ 3. Nhận định: Thị trường đang giao dịch tương đối ổn định. Xác suất giảm sâu thấp, nhà đầu tư có thể mua gom cổ phiếu tốt tại thời điểm thị trường điều chỉnh

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.7	14,283.55	26.1	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	25.8	11,524.87	6.9	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	-	69.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.3	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.8	5,653.90	8.7	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.6	3,962.78	12.8	0.7	5.1%	1.8%
VNR	131.1	22.9	3,001.64	9.4	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.6	2.2	23.4%	14.9%
LAS	77.8	35.7	2,778.60	7.6	2.2	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.6	1,010.80	6.2	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	14.5	574.20	5.3	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.0	2,014.98	11.3	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.6	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.5	1,225.00	6.0	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.22%	84.5	- 488.78	4.34	87,994	300,190	219,926
VIC	HOSE	1,454.6	69,382.28	12.53%	47.7	17.91	3.77	472,677	903,873	1,161,846
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	11.71%	59.5	7.52	1.63	620,757	1,136,985	811,288
HPG	HOSE	481.9	25,541.13	11.57%	53.0	8.16	2.25	346,536	448,174	508,574
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	7.45%	22.7	9.45	1.22	2,551,904	3,017,356	3,187,956
KDC	HOSE	255.2	12,375.32	7.00%	48.5	20.56	1.88	1,038,353	1,176,902	1,084,602
STB	HOSE	1,142.5	20,450.96	5.69%	17.9	8.30	1.15	1,093,562	2,262,621	951,283
VCB	HOSE	2,665.0	89,544.68	5.16%	33.6	19.71	2.10	1,011,938	1,134,872	584,931
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	4.04%	32.3	10.19	1.32	687,783	848,876	651,512
KBC	HOSE	389.8	6,197.19	2.83%	15.9	14.98	1.21	2,468,509	2,541,578	3,893,259
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	48.28	0.75	4,931,295	5,768,194	5,601,010
HSG	HOSE	96.3	4,565.24	1.95%	47.4	11.04	1.90	42,467	114,025	210,434
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.83%	34.1	18.08	1.90	530,775	444,551	284,528
HVG	HOSE	132.0	3,643.19	1.55%	27.6	12.18	1.47	714,493	1,057,140	1,303,666
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	1.53%	11.2	6.51	0.92	9,900,264	11,079,906	14,130,864
PPC	HOSE	318.2	8,844.70	1.47%	27.8	12.41	1.68	807,253	919,422	488,471
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.46	3.25	48,338	155,377	112,431
PVT	HOSE	255.9	3,556.42	1.37%	13.9	12.13	1.17	2,700,357	2,909,892	2,342,390
CSM	HOSE	67.3	2,866.64	1.32%	42.6	8.02	2.20	82,823	66,656	96,795
VSH	HOSE	206.2	2,825.51	1.16%	13.7	19.30	1.05	419,936	602,756	497,817
OGC	HOSE	300.0	2,130.00	0.56%	7.1	12.88	0.68	6,483,764	6,114,757	6,040,899

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.53%	84.5	- 488.78	4.34	87,994	300,190	219,926
VIC	HOSE	1,454.6	69,382.28	7.57%	47.7	17.91	3.77	472,677	903,873	1,161,846
VCB	HOSE	2,665.0	89,544.68	7.13%	33.6	19.71	2.10	1,011,938	1,134,872	584,931
STB	HOSE	1,142.5	20,450.96	6.62%	17.9	8.30	1.15	1,093,562	2,262,621	951,283
PVS	HNX	446.7	11,524.87	5.75%	25.8	6.89	1.31	2,080,577	3,287,134	2,600,211
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	4.51%	34.1	18.08	1.90	530,775	444,551	284,528
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	4.25%	32.3	10.19	1.32	687,783	848,876	651,512
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	4.04%	22.7	9.45	1.22	2,551,904	3,017,356	3,187,956
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	3.90%	59.5	7.52	1.63	620,757	1,136,985	811,288
PPC	HOSE	318.2	8,844.70	3.14%	27.8	12.41	1.68	807,253	919,422	488,471
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	48.28	0.75	4,931,295	5,768,194	5,601,010
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.85%	11.2	6.51	0.92	9,900,264	11,079,906	14,130,864
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.54%	8.6	9.31	0.73	4,594,935	4,572,383	3,790,718
VCG	HNX	441.7	5,653.90	2.12%	12.8	8.69	1.02	1,144,063	1,438,908	1,444,703
PVT	HOSE	255.9	3,556.42	1.78%	13.9	12.13	1.17	2,700,357	2,909,892	2,342,390
OGC	HOSE	300.0	2,130.00	143.00%	7.1	12.88	0.68	6,483,764	6,114,757	6,040,899
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.46	3.25	48,338	155,377	112,431
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.65%	13.9	22.33	1.31	141,659	427,394	579,808
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 2.27	2.25	5,301,020	5,096,149	5,570,293

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,382.28	0.00%	47.7	17.91	3.77	472,677	903,873	1,161,846
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	- 488.78	4.34	87,994	300,190	219,926
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	10.19	1.32	687,783	848,876	651,512
HAG	HOSE	789.9	17,930.71	0.00%	22.7	9.45	1.22	2,551,904	3,017,356	3,187,956
VCB	HOSE	2,665.0	89,544.68	0.00%	33.6	19.71	2.10	1,011,938	1,134,872	584,931
STB	HOSE	1,142.5	20,450.96	0.00%	17.9	8.30	1.15	1,093,562	2,262,621	951,283
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	0.00%	34.1	18.08	1.90	530,775	444,551	284,528
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.60	0.95	140,793	182,204	240,991
GAS	HOSE	1,895.0	130,755.00	0.00%	69.0	11.17	3.64	366,344	643,054	504,722

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	4.01%	84.5	- 488.78	4.34	87,994	300,190	219,926
VIC	HOSE	1,454.6	69,382.28	2.27%	47.7	17.91	3.77	472,677	903,873	1,161,846
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	4.39%	59.5	7.52	1.63	620,757	1,136,985	811,288
STB	HOSE	1,142.5	20,450.96	0.89%	17.9	8.30	1.15	1,093,562	2,262,621	951,283
VCB	HOSE	2,665.0	89,544.68	1.28%	33.6	19.71	2.10	1,011,938	1,134,872	584,931
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.79%	34.1	18.08	1.90	530,775	444,551	284,528

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **SLCKVN**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản						
Hóa Chất						
Nhựa, cao su & sợi	6,763	6.5	0.9	12.6%	8.3%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,263	9.6	1.6	17.0%	10.6%	
Lâm nghiệp và giấy						
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,115	15.2	1.0	5.7%	2.2%	
Sản xuất giấy	859	6.2	1.0	14.3%	7.8%	
Kim loại						
Thép và sản phẩm thép	37,287	12.7	1.9	22.6%	10.8%	
Khai khoáng						
Khai thác than	1,967	3.6	1.0	21.6%	5.2%	
Khai khoáng	12,376	88.6	6.2	-4.2%	-3.5%	
Xây dựng và vật liệu						
Xây dựng và vật liệu						
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,016	14.4	1.5	13.6%	7.6%	
Xây dựng	31,321	30.3	1.1	0.8%	2.3%	
Hàng và dịch vụ công nghiệp						
Hàng công nghiệp						
Containers & Đóng gói	2,168	9.4	1.1	15.8%	7.8%	
Công nghiệp phức hợp	1,043	6.9	1.1	16.9%	12.4%	
Điện tử và thiết bị điện						
Hàng điện & điện tử	2,638	8.1	1.5	18.6%	6.5%	
Thiết bị điện	1,571	11.1	2.3	10.3%	4.6%	
Công nghiệp nặng						
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%	
Máy công nghiệp	8,793	8.9	1.3	15.2%	10.4%	
Vận tải						
Vận tải thủy	8,540	-	2.9	0.9	4.7%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,378	8.2	1.4	18.6%	13.6%	
Dịch vụ vận tải	6,905	5.9	1.6	23.0%	13.1%	
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh						
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,571	18.0	1.8	8.7%	4.5%	
Đào tạo & Việc làm	251	13.0	0.8	7.0%	2.6%	
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.9	12.7%	5.0%	
Chất thải & Môi trường	211	3.2	1.0	33.9%	15.7%	
Ô tô và Phụ tùng						
Ô tô và Phụ tùng						
Sản xuất ô tô	2,281	13.6	1.4	14.7%	7.3%	
Lốp xe	8,162	10.5	2.8	25.5%	11.0%	
Thực phẩm và đồ uống						
Bia và đồ uống						
Sản xuất bia	1,841	8.2	1.4	17.9%	9.5%	
Vang & Rượu mạnh	320	16.1	2.2	14.8%	9.9%	
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%	
Sản phẩm thực phẩm						
Nuôi trồng nông & hải sản	23,079	11.0	2.1	22.6%	7.6%	
Thực phẩm	186,559	24.0	4.5	18.2%	14.1%	
Hàng cá nhân và gia dụng						
Hàng gia dụng						
Đồ gia dụng lâu bền	66	18.6	0.8	4.4%	3.2%	
Thiết bị gia dụng	2,757	7.5	1.3	18.9%	9.1%	
Hàng hóa giải trí						
Điện tử tiêu dùng	527	63.5	1.4	2.6%	1.8%	
Hàng cá nhân						
Hàng may mặc	3,621	8.3	1.6	19.4%	7.6%	
Giày dép	11	-	0.7	-33.3%	-19.0%	
Hàng cá nhân	6,308	10.5	1.9	18.5%	9.4%	
Thuốc lá						
Thuốc lá	808	-	12.0	1.1	1.8%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,946	9.9	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	162	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	219	9.4	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,712	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	215	34.2	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	736	10.2	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,663	9.2	1.6	19.0%	3.5%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,118	9.2	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,666	55.6	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,569	21.3	1.3	10.5%	8.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,658	17.9	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	718	10.7	0.9	8.8%	3.3%
Internet	422	89.0	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,849	10.1	2.1	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	462	15.8	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	293	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,545	37.6	7.9	34.6%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,570	10.7	1.6	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	134,649	11.0	3.5	32.3%	21.9%
Nước	1,231	6.6	1.1	16.9%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,482	8.8	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,644	11.3	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,002	9.4	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	22,728	18.1	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,053	8.5	1.3	17.8%	12.1%
Môi giới chứng khoán	26,062	10.9	1.4	10.8%	7.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	255,480	12.1	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,730	15.6	2.5	17.5%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	31,834	7.2	1.5	22.0%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.